TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập -Tự Do- Hạnh Phúc
S□: 101/2023/Q□ST- DS	*Chương Mỹ, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngàu 04 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 184/2022/TL-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Phùng Xuân M**, sinh năm 1973.Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn N, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn:*** Ông **Phùng Xuân D**, sinh năm 1965; Nơi đăng ký HKTT tại:
Thôn N, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Phùng Xuân T**, sinh năm 1970; Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn N, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội..

2. Bà **Phùng Thị H**, sinh năm 1975; Nơi đăng ký HKTT tại: Tổ dân phố T, đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện tại: Xã L, thị trấn M, huyện M, tỉnh N.

- Người đại dện theo ủy quyền của bà Phùng Thị H, sinh năm 1975: Ông **Phùng Xuân M**, sinh năm 1973.Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn N, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

2. SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ CỤ THỂ NHƯ SAU: Xác định di sản các đương sự thỏa thuận chia thừa kế theo pháp luật là thửa đất số 164, tờ bản đồ số 01, diện tích 370 m2; tại địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội (Theo bản đồ đo đạc năm 1988 và bản đồ đo đạc năm 2018 được UBND xã T huyện Chương Mỹ, Hà Nội cung cấp) đã được cấp giấy CNQSD đất số U 241127 ngày 23/12/2022, đứng tên Hộ bà Nguyễn Thị Đ

Xác định những người thừa kế theo pháp luật về diện hàng thừa kế của cụ H và cụ Đ gồm 04 người gồm các ông, bà: Ông Phùng Xuân M, ông Phùng Xuân D, ông Phùng Xuân T, bà Phùng Thị H.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận chia và nhận phần di sản thừa kế bằng hiện vật, cụ thể: chia thửa đất số 164, tờ bản đồ số 01, diện tích 370 m2; tại địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội làm 04 phần cho 04 anh em là Ông Phùng Xuân M, ông Phùng Xuân D, ông Phùng Xuân T, bà Phùng Thị H, thống nhất không yêu cầu chia tài sản gắn liền với đất trên thửa đất này. Căn cứ Biên bản định giá ngày 11/01/2023, sơ đồ phân chia di sản thừa kế tại Biên bản hòa giải thành ngày 04/7/2023 (có sơ đồ phân chia di sản thừa kế kèm theo Quyết định này), mỗi người thừa kế sẽ được hưởng phần di sản có diện tích là:

+ Kỷ phần chia cho ông Phùng Xuân D là diện tích 136,0m^2 (tạm gọi là số 164-1), giới hạn bởi các điểm 1, 2, 1', 2', 13, 14, 15 có tứ cận phía Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn Công từ điểm 15 - 1 = 15,01m; phía Đông giáp ngõ đi và giáp thửa 164-5 từ điểm 1 – 2 = 3,78m, 2 – 1' = 2,00m, 1' – 2' = 4,06m; phía nam

giáp thửa số 164-2 từ điểm 2’ - 13 = 16,13m; phía Tây giáp thửa đất của bà Trần Thị Khanh từ điểm 13 - 14 = 7,78m, 14 – 15 = 0,34m.

+ Kỷ phần chia cho bà Phùng Thị H là diện tích 70,0m^2 (tạm gọi là số 1642), giới hạn bởi các điểm 2’, 3’, 4’, 12, 13 có tứ cận phía Bắc giáp thửa 164-1 từ điểm 13 – 2’ = 16,13m; phía Đông giáp thửa số 164-5 từ điểm 2’ – 3’ = 4,33m; phía Nam giáp các thửa số 164-3, 164-4 từ điểm 3’ – 4’ = 11,33m, 4’ – 12 = 5,21m; phía Tây giáp thửa đất của bà Trần Thị Khanh từ điểm 12 - 13 = 4,33m.

+ Kỷ phần chia cho ông Phùng Xuân T là diện tích 70m^2 (tạm gọi là số 1643), giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 4’, 3’ có tứ cận phía Bắc giáp các thửa 164-2,

164-5 từ điểm 4’ – 3’ = 11,33m, 3’ – 4 = 2,50m; phía Đông giáp thửa đất của ông Ngô Bá Lương từ điểm 4 - 5 = 5,95m; phía Nam giáp thửa đất của ông Ngô Bá Thắng từ điểm 5 - 6 = 12,94m, phía Tây giáp thửa số 164-4 từ điểm 6 – 4’ = 4,58m.

+ Kỷ phần chia cho ông Phùng Xuân M là diện tích 72,5 m^2 (tạm gọi là số 164-4), giới hạn bởi các điểm 4’, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 có tứ cận phía Bắc giáp thửa 164-2 từ điểm 12 – 4’ = 5,21m; phía Đông giáp các thửa số 164-3, thửa số của ông Ngô Bá Thắng từ điểm 4’ - 6 = 4,58m, 6 – 7 = 5,39m, 7 – 8 = 1,82m, 8 –

9 = 3,07m; phía Nam giáp thửa đất của ông Ngô Bá Thắng và ngõ đi từ điểm 9 - 10 = 2,93m, 10 – 11 = 2,95m; phía Tây giáp thửa đất của bà Trần Thị Khanh từ điểm 11 - 12 = 10,22m.

3. Về án phí: Ông Phùng Xuân M phải nộp 1.765.000 đồng, ông Phùng Xuân phải nộp D 3.311.600 đồng, bà Phùng Thị H phải nộp 1.704.500 đồng, ông Phùng Xuân T phải nộp 1.704.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do các đương sự thỏa thuận được nên phải chỉ phải chịu 50% án phí tạm tính trên.

Sau khi đã đối trừ nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm ông Phùng Xuân M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 6.535.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm ba năm nghìn đồng). Theo biên lai số AA/2020/ 0076402, ngày 24/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

4. QUY□T □□NH NÀY C□ HI□U L□C PH□P LUỐT NGAY KHI □Ư□C BAN HÀNH VÀ KH□NG B□KH□NG C□O, KH□NG NGH□THEO TH□ T□C PH□C TH□M.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Hiểu